**Toán: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU CỦA HAI SỐ ĐÓ** **(Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Học sinh nhận biết được bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó và giải được bài toán.

- Vận dụng giải quyết một số vấn đề đơn giản liên quan đến bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học, mô hình hóa toán học, giải quyết vấn đề toán học và năng lực giao tiếp toán học.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Tham gia tốt và sáng tạo trong trò chơi, hoạt động vận dụng vào thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trung thực: Có thái độ trung thực trong học tập Toán.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

1. GV: Các hình ảnh có trong bài, viết sẵn đề bài toán Khởi động trên bảng phụ (nếu cần). Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point

2. HS: SGK , VBT, 18 khối lập phương hay que tính.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Khởi động:** | |
| - GV tổ chức để các nhóm GQVĐ  Bước 1: Tìm hiểu vấn đề  + GV mời HS đọc kĩ thông tin ở phần Khởi động, nhận biết vấn đề giải quyết  Bước 2: Lập kế hoạch  Nêu được cách thức GQVĐ  + Dùng ĐDHT  + Tính toán  Bước 3: Tiến hành kế hoạch  + GV mời HS thực hiện và trình bày trước lớp  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dùng hình ảnh các hình tròn mô tả việc làm của nhóm    + Tính toán  Thực hiện phép chia 15 : 2 = 7 ( dư 1)  ⭢ Chị : 7 Em : 8  ⭢ Điều chỉnh: Chị : 6 Em : 9  Bước 4: Kiểm tra lại  Cả hai chị em: 6 + 9 = 15  Em hơn chị : 9 – 6 = 3  - GV hệ thống lại việc làm của các nhóm và đặt vấn đề  + GV đưa bảng phụ đã viết bài toán  Ta đã giải bài toán: Cả hai chị em có 15 viên bi, số viên bi của em nhiều hơn số viên bi của chị là 3 viên bi. Hỏi mỗi người có bao nhiêu viên bi ?  + Ta đã dùng que tính hoặc dựa vào việc tính nhẩm để tìm được số viên bi của mỗi người  + Trong trường hợp hai chị em có hàng trăm viên bi và người này hơn người kia rất nhiều viên bi thì cách làm như trên sẽ không thuận tiện  ⭢ GV dẫn dắt vào bài mới | - HS đọc thông tin: cả hai chị em có 15 viên bi, em hơn chị 3 viên ⭢mỗi người có mấy viên bi ?  - HS tham gia thảo luận và thực hiện theo nhóm  - Hs trình bày trước lớp, các nhóm còn lại nhận xét  + Dùng ĐDHT: tách ngẫu nhiên 15 que tính thành 2 phần (hoặc chia đều) ⭢ điều chỉnh để 1 bên có 9 que, 1 bên có 6 que  ⭢ Chị : 6 Em : 9  - HS chú ý theo dõi  - HS lắng nghe |
| **25’** | **2. Hình thành iến thức mới, hình thành kiến thức mới:** | |
| **a. Giới thiệu bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu**  - GV mời Hs đọc đề bài  + Bài toán hỏi gì ?  Do số viên bi của em nhiều hơn số bi của chị nên ta nói: Ta phải tìm hai số ( số lớn và số bé)  + Bài toán cho biết gì ?  ⭢ 15 viên bi là gì của số lớn và số bé ?  + Em lớn hơn chị 3 viên bi  ⭢ 3 viên bi là gì của số lớn và số bé ?  - Đây là bài toán: Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó  **b. Giới thiệu cách giải bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu**  - GV viết lên bảng lớp  Bài toán: Tổng của hai số là 15, hiệu của hai số đó là 3. Tìm hai số đó.  - GV hướng dẫn tìm cách giải:  + Bài toán yêu cầu gì ?  + Trong hai số phải tìm, có một số lớn và một số bé  Ta có thể tóm tắt bài toán bằng sơ đồ đoạn thẳng    **+** Bài toán cho biết gì ?  + GV yêu cầu HS lên xác định tổng và hiệu của hai số trên sơ đồ  - GV vẽ tiếp    - GV dẫn dắt giúp HS nhận ra cách làm:  \* ***Cách 1:***    Tách 3 viên bi từ 15 viên bi, còn lại chia đôi số viên bi của chị  ⭢ Nếu lấu 15 trừ đi 3 thì trên sơ đồ còn lại hai đoạn thẳng bằng nhau, mỗi đoạn thẳng biểu thị số bé  ⭢ GV mời viết phép tính tìm số bé vào bảng con  ⭢ Tiếp theo tìm gì ? bằng cách nào ?  ⭢ GV mời viết phép tính vào bảng con  - GV khái quát hoá cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó    Bài giải  Số bé là:  (15 – 3) : 2 = 6  Số lớn là:  6 + 3 = 9  Đáp số: Số lớn: 9  Số bé : 6  - GV chỉ tay vào các số 15 và 3 trong tóm tắt và bài giải  - GV mời Hs khái quát cách làm  ⭢ GV viết lên bảng lớp    ***\* Cách 2:***    Thêm 3 viên bi để có 18 viên bi, chia đôi thì tìm được số viên bi của em  ⭢ Nếu lấy 15 cộng thêm 3 thì trên sơ đồ có hai đoạn thẳng bằng nhau, mỗi đoạn thẳng biểu thị số lớn    - GV mời Hs viết phép tính tìm số lớn vào bảng con  ⭢Tiếp theo tìm gì ? bằng cách nào ?  ⭢ Viết phép tính tìm số bé  - GV khái quát hoá cách tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó    Bài giải  Số lớn là:  (15 + 3) : 2 = 9  Số bé là:  9 - 3 = 6  Đáp số: Số lớn: 9  Số bé : 6  - GV chỉ tay vào các số 15 và 3 trong tóm tắt và bài giải  - GV mời Hs khái quát cách làm  ⭢ GV viết lên bảng lớp    *\* Lưu ý: Có thể tìm số lớn bằng cách tìm: Tổng – Số bé* | - 1 Hs đọc đề bài  + Hỏi mỗi người có bao nhiêu viên bi ?  + Cả hai chị em có 15 viên bi  + Tổng  + Hiệu  - Hs chú ý lắng nghe, nhắc lại  - GV chú ý theo dõi  + Tìm hai số đó ?  + Tổng của hai số là 15, hiệu của hai số đó là 3  + 1 HS lên xác định tổng và hiệu của hai số  - Lắng nghe rút kinh nghiệm.  - HS viết phép tính vào bảng con  (15 – 3) : 2 = 6  Số bé là 6.  + Lấy 3 viên bi lúc đầu thêm vào 6 viên bi thì được số viên bi của em  - HS viết phép tính vào bảng con  6 + 3 = 9  Số lớn là 9.  - HS quan sát tóm tắt và bài giải  - HS nói các từ: Tổng, Hiệu  - HS nêu  - Hs viết phép tính vào bảng con  (15 + 3) : 2 = 9  Số lớn là 9  + Lấy 9 viên bi bớt đi 3 viên bi thì được số viên bi của chị  - Hs viết phép tính vào bảng con  9 - 3 = 6  Số bé là 6  - HS quan sát tóm tắt và bài giải  - HS nói các từ: Tổng, Hiệu  - HS nêu |
|  | **3. Thực hành:** | |
| **Bài 1. Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hái số đó**  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.    - GV mời HS quan sát và phân tích mẫu  15 + 27 = 42  27 – 15 = 12  ⭢ Mỗi cột là một câu: Biết tổng và hiệu, tìm hai số  - GV mời cả lớp làm việc theo nhóm, làm bài tập vào phiếu bài tập  - GV mời các nhóm trình bày, nói lại cách làm và cách thử  - GV nhận xét, tuyên dương.  **Bài 2. Bài toán**  - GV mời HS đọc kĩ đề bài ( nhóm đôi), nói ngắn gọn bài toán  - Gv phân tích đề cùng Hs:  + Bài toán cho biết gì ?  + Bài toán hỏi gì ?  + Số nào thể hiện tổng, số nào thể hiện hiệu, số bạn gái là số lớn hay số bé ?  - GV mời cả lớp làm việc cá nhân, làm bài tập vào vở.  - Mời 1 số HS trình bày bài làm  - GV sửa bài, khuyến khích HS giải thích cách làm  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.  - Quan sát và phân tích mẫu cùng Gv  - Các nhóm thực hiện từng phép tính vào phiếu bài tập  - Các nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nhận xét    - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài: Có 35 bạn. Số bạn gái nhiều hơn số bạn trai là 1 bạn. Hỏi có bao nhiêu bạn gái, bao nhiêu bạn trai ?  - Hs phân tích đề cùng Gv  + biết tổng và hiệu  + tìm số bạn trai và số bạn gái  + Số bạn trai ⭢số bé  Số bạn gái ⭢số lớn  35 bạn ⭢ Tổng  1 bạn ⭢ Hiệu  - HS làm bài vào vở  Bài giải  Số bạn trai lớp 4A có là:  (35 – 1) : 2 = 17 (bạn)  Số bạn gái lớp 4A có là:  17 + 1 = 18 ( bạn)  Đáp số: Bạn trai: 17 bạn  Bạn gái: 18 bạn  - Lắng nghe rút kinh nghiệm. |
| **5’** | **3. Hoạt động nối tiếp.** | |
| **-** GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi thi đua  + GV phổ biến luận chơi, cách chơi  + GV chuẩn bị sẵn các bảng phụ  + Mời lớp chia thành các nhóm 4 HS , các nhóm nhận bảng, thi đua làm bài. Nhóm nào xong trước và đúng sẽ được thưởng.  ***Bài toán:*** *Tuổi bố và tuổi con cộng lại được 58. Bố hơn con 38 tuổi. Hỏi bố bao nhiêu tuổi, con bao nhiêu tuổi ?*  - Nhận xét, tuyên dương | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - HS lắng nghe.  - Các nhóm tham gia chơi  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

............................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................